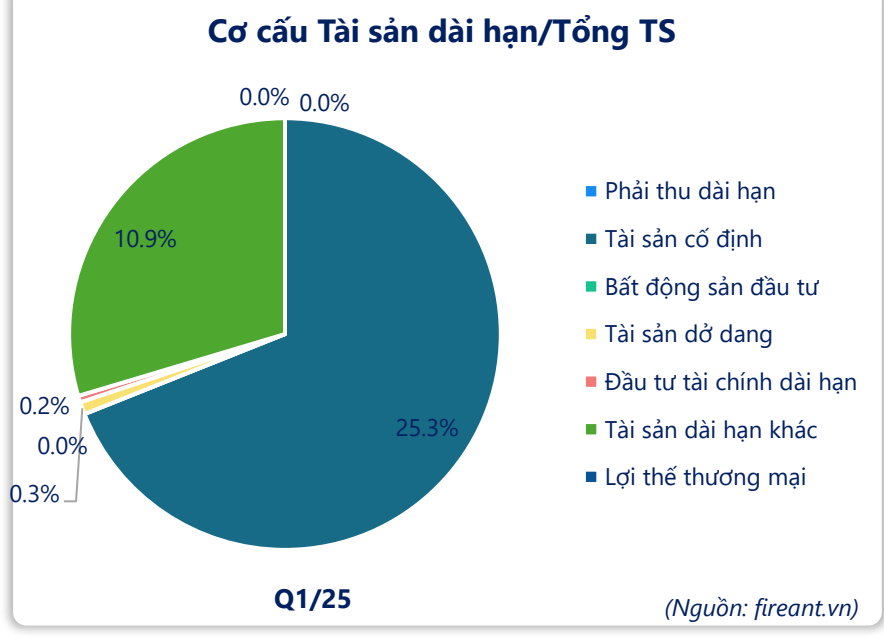
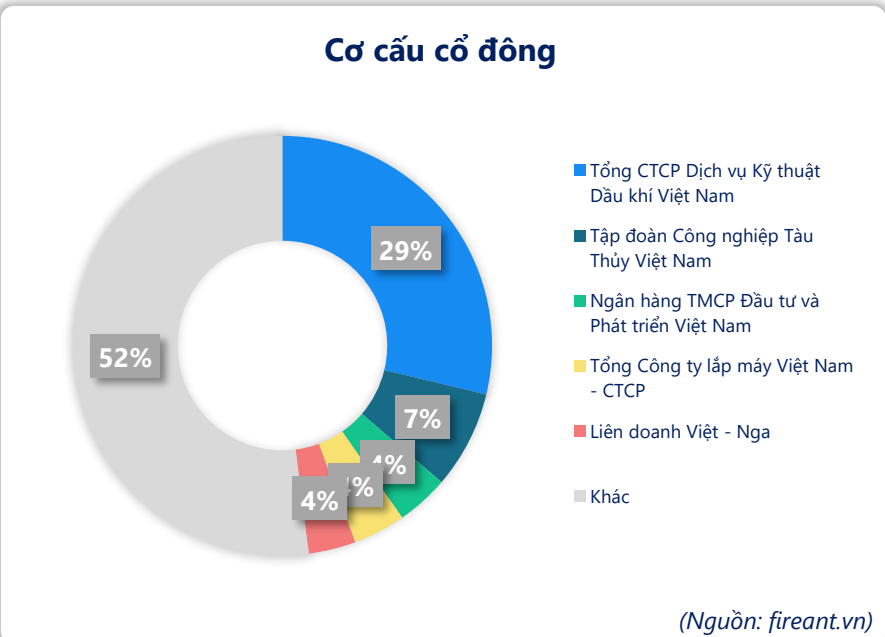
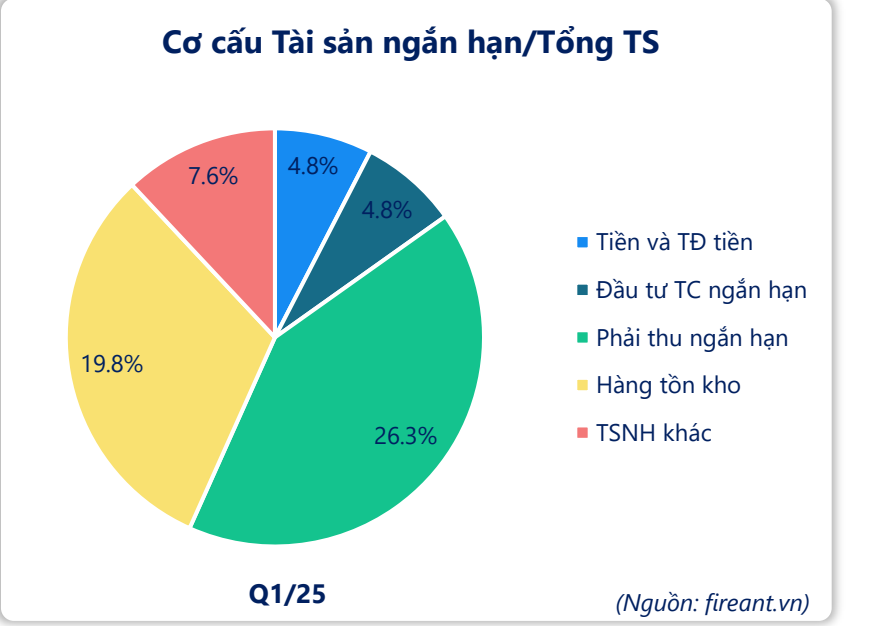
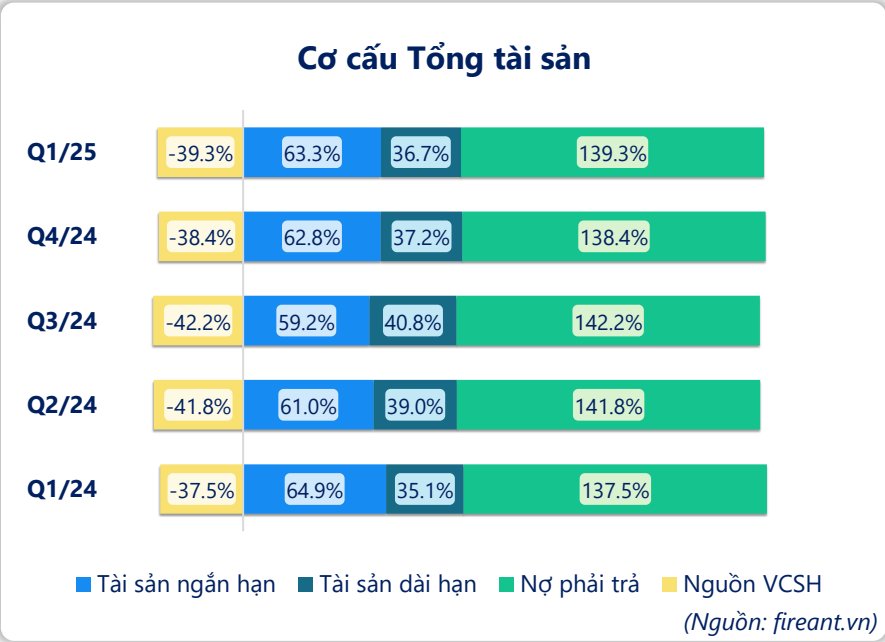
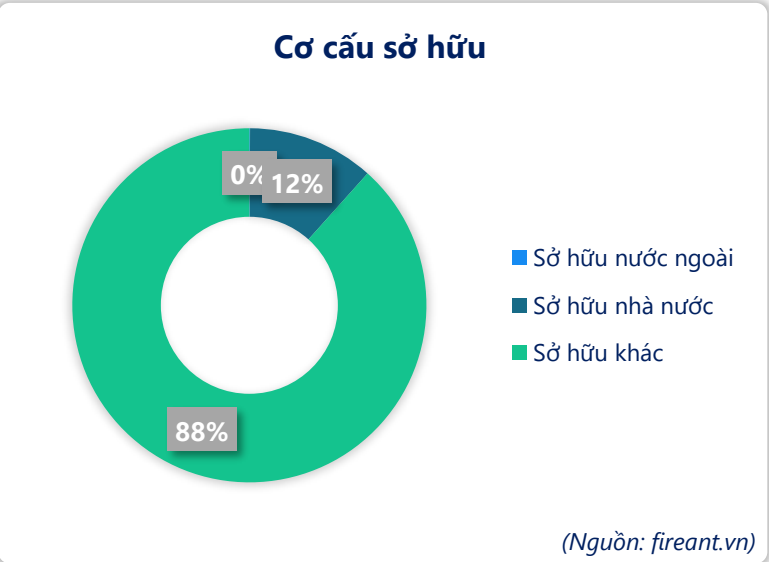
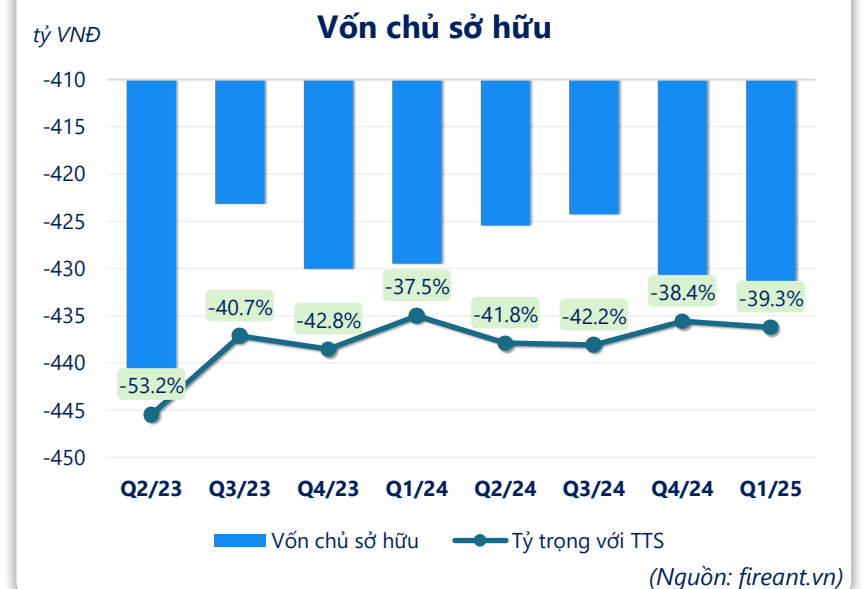
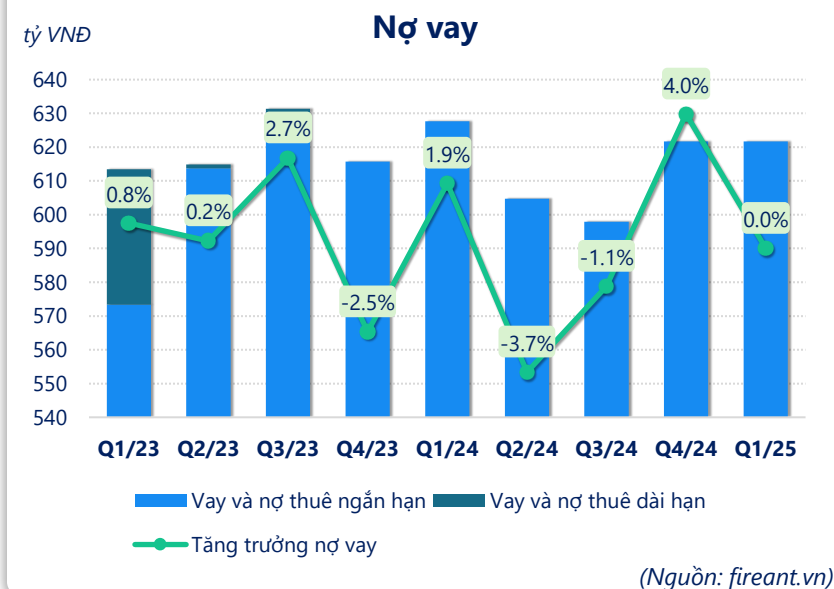
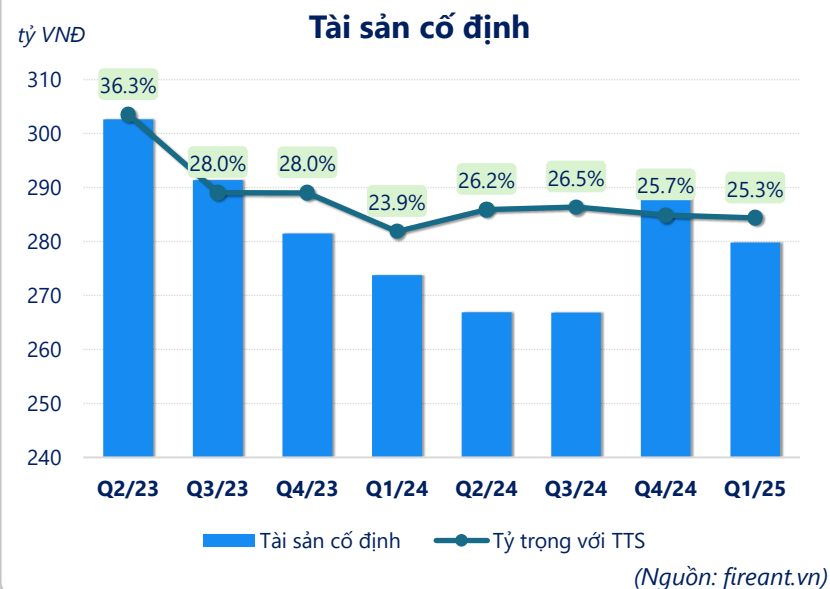
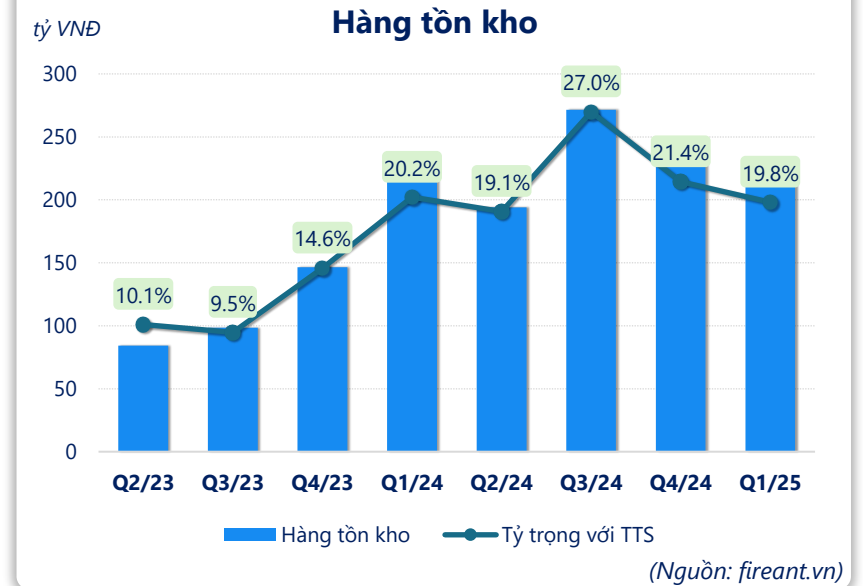
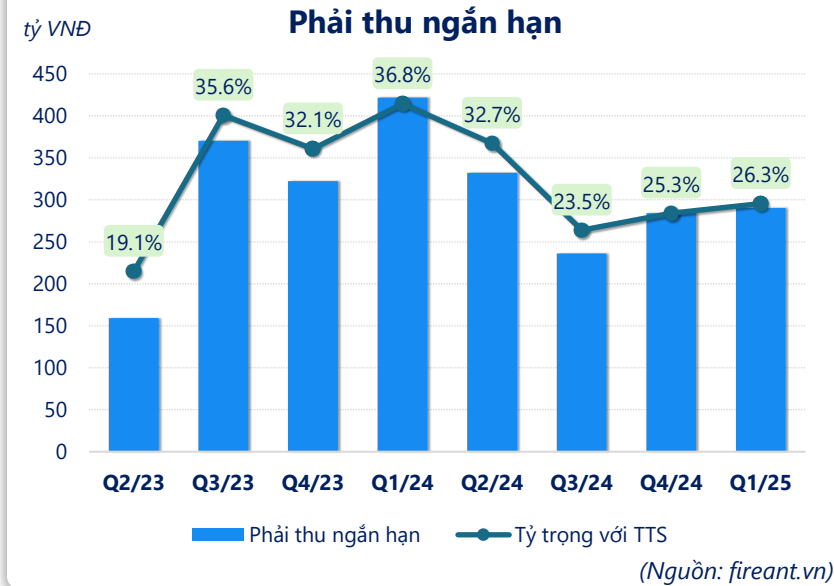
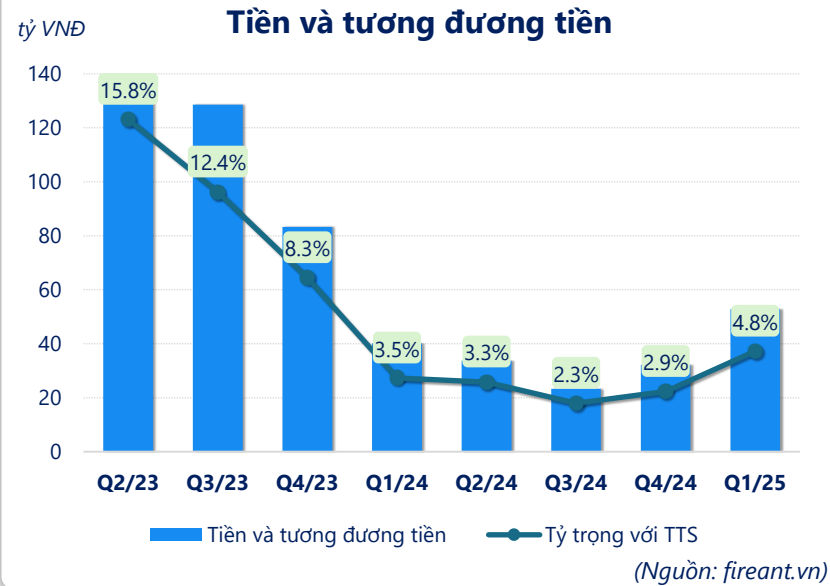
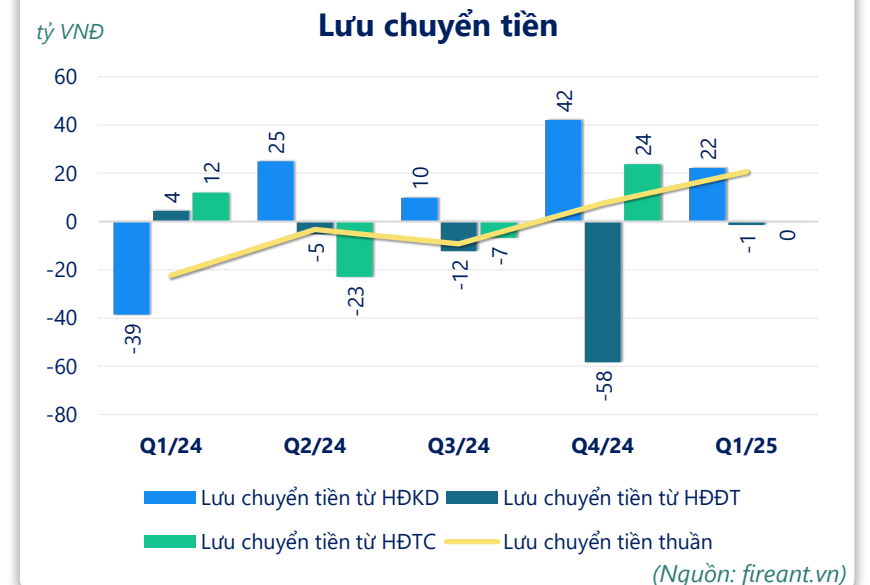
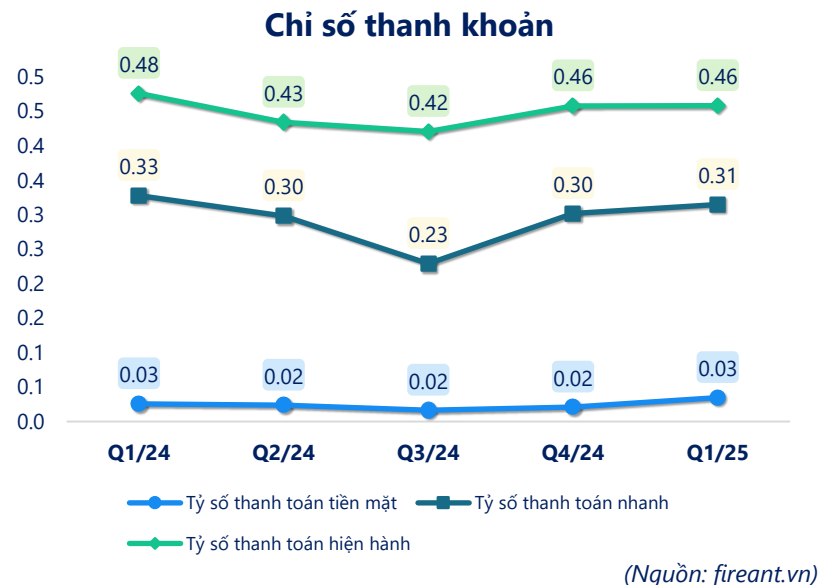
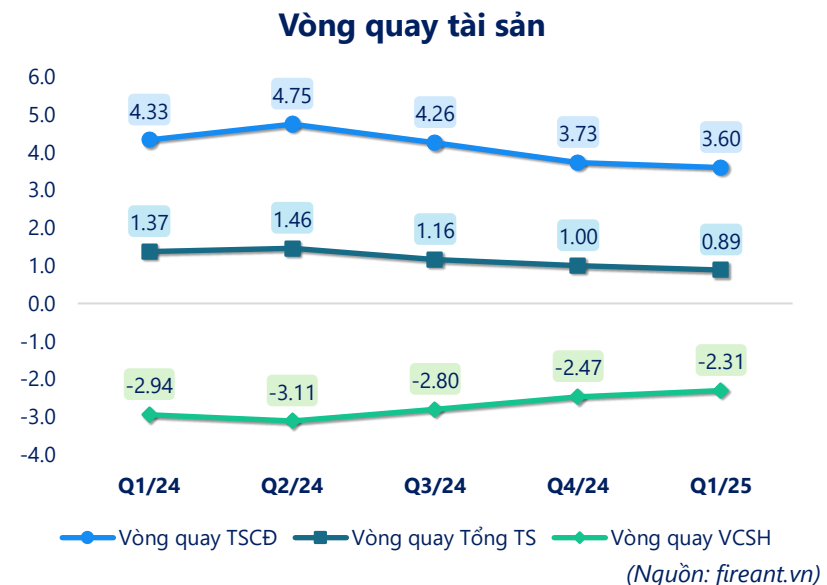
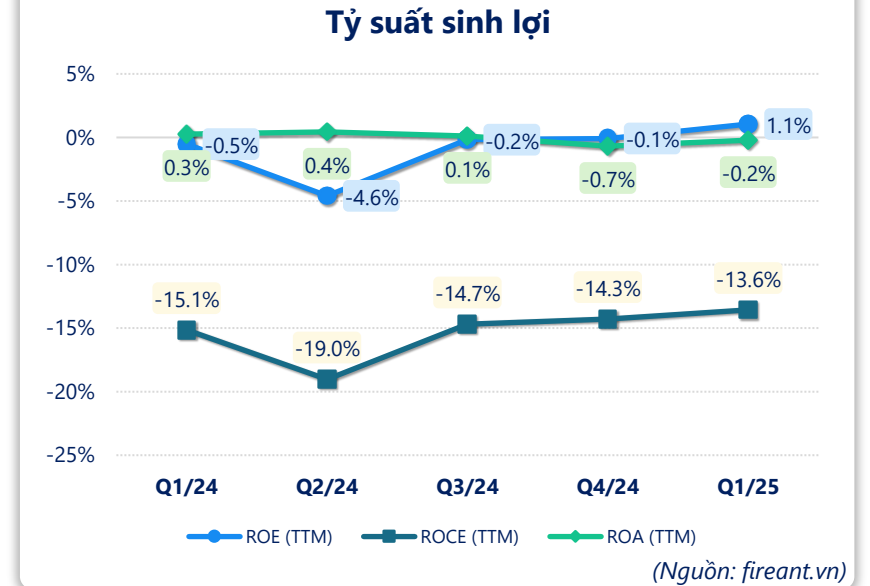
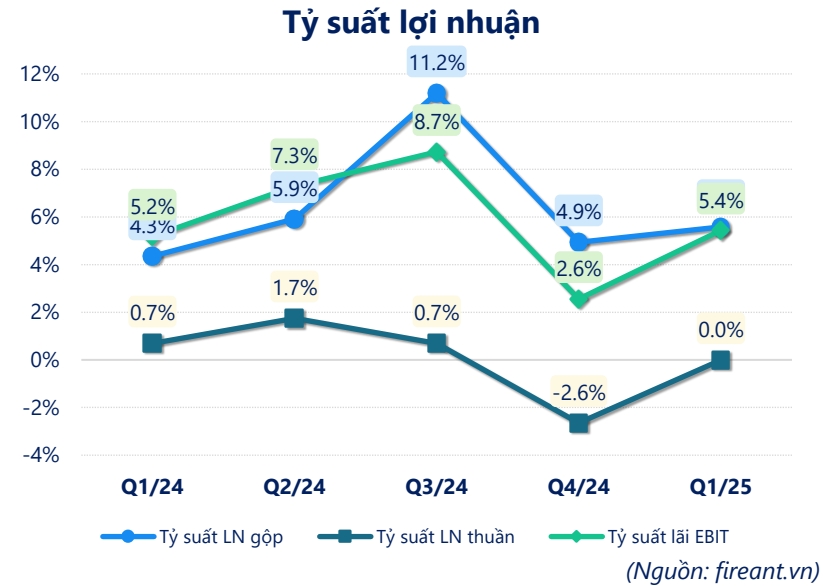
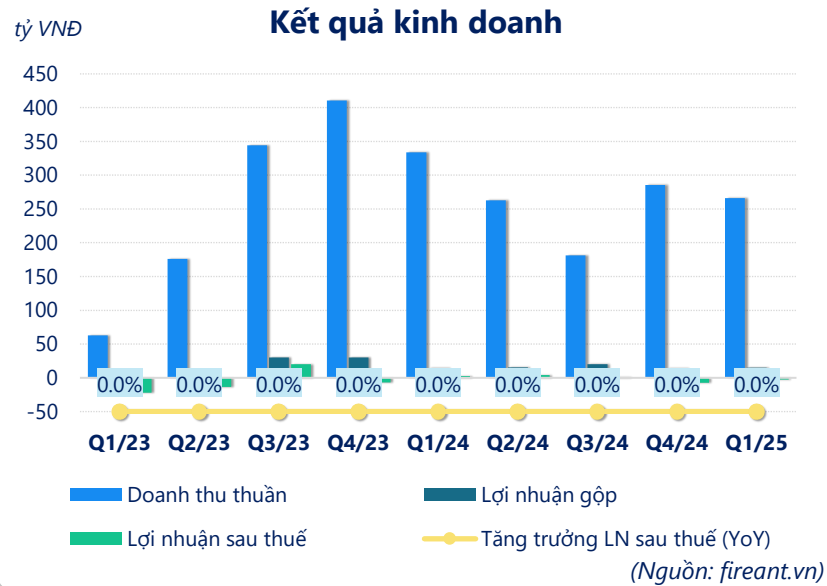


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
SL cổ phiếu LH		59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,385
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		143
P/E		-31.4
EPS		-76

	YTD	1T	3T	6T
PVY	0.0%	4.3%	0.0%	-7.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,104	1,122	-1.6%
Tài sản ngắn hạn	698	704	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	52.9	32.2	64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.1	51.7	2.6%
Phải thu ngắn hạn	290	282	3.0%
Hàng tồn kho	219	241	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	83.7	97.2	-13.9%
Tài sản dài hạn	406	418	-3.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	280	289	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.74	3.48	7.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	120	124	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,539	1,554	-1.0%
Nợ ngắn hạn	1,525	1,540	-1.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	622	622	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	327	379	-13.6%
Nợ dài hạn	13.7	13.7	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-434	-432	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	-434	-432	-0.6%
Vốn điều lệ	595	595	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	-0.05	-0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	334	263	181	286	266
Giá vốn hàng bán	319	247	161	272	251
Lợi nhuận gộp	14.5	15.5	20.3	14.1	14.8
Doanh thu HĐTC	1.81	6.57	1.09	4.75	2.27
Chi phí TC	14.9	16.3	14.8	16.3	15.6
Chi phí lãi vay	14.9	15.1	14.6	14.6	14.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-0.83	1.22	5.29	10.2	1.57
LN thuần từ HĐKD	2.31	4.58	1.26	-7.56	-0.02
Lợi nhuận khác	0.11	-0.54	-0.10	0.29	0.15
LN trước thuế	2.42	4.04	1.16	-7.28	0.13
Lợi nhuận sau thuế	2.42	4.04	1.16	-7.28	-2.47
LNST của CĐ cty mẹ	2.42	4.04	1.16	-7.28	-2.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.6	24.9	9.85	42.0	22.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.42	-5.28	-12.4	-58.3	-1.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.9	-23.0	-6.79	23.8	0.00
Tiền đầu kỳ	59.6	40.1	33.7	23.2	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	-22.3	-3.33	-9.32	7.52	20.7
Ảnh hưởng tỷ giá	2.86	-3.08	-1.19	1.46	-0.03
Tiền cuối kỳ	40.1	33.7	23.2	32.2	52.9

(Nguồn: fireant.vn)